

THÔNG BÁO

V/v Đào tạo Ngoại ngữ không chuyên

- Căn cứ Khung đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR – Common European Framework Reference);

- Căn cứ nội dung chương trình đào tạo Ngoại ngữ không chuyên – tiếng Anh và Khung phân bổ sử dụng giáo trình American Headway của nhà xuất bản Oxford cung cấp, nhà trường thông báo việc đào tạo Ngoại ngữ không chuyên – tiếng Anh như sau:

1. Khung đánh giá năng lực tiếng Anh không chuyên

▪ Nhà trường sử dụng khung đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR – Common European Framework Reference);

2. Kiểm tra trình độ tiếng Anh không chuyên đầu vào

▪ Nhà trường sẽ tiến hành tổ chức kiểm tra bắt buộc trình độ ngoại ngữ không chuyên đầu vào – tiếng Anh đối với sinh viên trúng tuyển để tổ chức đào tạo phù hợp với trình độ.

▪ Sinh viên không tham dự kỳ thi kiểm tra sẽ được bố trí vào học lớp tiếng Anh căn bản 1 – chương trình ngoại ngữ dự bị tiếng Anh.

3. Khung chương trình đào tạo tiếng Anh không chuyên

▪ Chương trình đào tạo tiếng Anh không chuyên gồm 4 cấp lớp (từ Tiếng Anh nâng cao 1 đến Tiếng Anh nâng cao 4.

▪ Sinh viên trúng tuyển không đạt chuẩn tối thiểu đầu vào của chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên - tiếng Anh phải tham dự chương trình đào tạo ngoại ngữ dự bị - tiếng Anh bao gồm các môn học: Tiếng Anh căn bản 1, Tiếng Anh căn bản 2.

Sau khi đạt Tiếng Anh căn bản 2 từ 5 điểm trở lên, sinh viên mới được đăng ký môn học Tiếng Anh nâng cao 1 – Lớp bắt đầu của chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên - tiếng Anh.

▪ Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên- tiếng Anh, khi đã đạt điểm Tiếng Anh nâng cao 4 (từ 5 điểm trở lên), xem như đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ tiếng Anh TOEIC 500.



4. Xét miễn giảm tiếng Anh không chuyên- Ngoại ngữ phụ

- Những sinh viên đã có các chứng chỉ tiếng Anh sẽ được miễn thi xếp lớp và miễn học các học phần tiếng Anh, cụ thể như sau:

TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	Cambridge ESOL Exams	Chứng chỉ quốc gia	Các học phần được miễn giảm	Các học phần được miễn giảm tương đương
500	450	45	4.0	PET 84	C	Tiếng Anh nâng cao 4	Anh văn 4
450	430	39	3.5	KET 100		Tiếng Anh nâng cao 3	Anh văn 3
400	410	34	3.0	KET 84	B	Tiếng Anh nâng cao 2	Anh văn 2
350		29				Tiếng Anh nâng cao 1	Anh văn 1
300	370	24	2.5	KET 69	A	Tiếng Anh căn bản 2	AV căn bản 2
200	340	18	1,5			Tiếng Anh căn bản 1	AV căn bản 1

- Nhà trường chấp nhận xét miễn giảm các loại chứng chỉ tiếng Anh và chứng chỉ của các ngoại ngữ khác do các đơn vị sau đây cấp:

- + Viện khảo thí giáo dục Hoa Kỳ - Educational Testing service (ETS) hoặc đơn vị được ETS ủy nhiệm cấp (đối với các chứng chỉ TOEIC, TOEFL ITP, TOEFL iBT);
- + British Council, Cambridge ESOL và IDP Education Australia cấp (đối với chứng chỉ IELTS);
- + Tổ chức Cambridge ESOL cấp (đối với các chứng chỉ PET, KET),
- + IDECAF cấp (đối với chứng chỉ tiếng Pháp giai đoạn 1).
- + Japan Foundation cấp (đối với chứng chỉ tiếng Nhật).
- + Viện Cervantes cấp (đối với chứng chỉ tiếng Tây Ban Nha).
- + Viện ngôn ngữ Hàn cấp (đối với chứng chỉ tiếng Hàn sơ cấp)
- + Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức ngoại giao và ngoại ngữ CEFAL. (đối với chứng chỉ tiếng Trung)

- Nhà trường không chấp nhận các loại chứng chỉ trình độ A, B, C do các trường, các cơ sở đào tạo khác cấp (trừ trường Đại học Mở TP.HCM).

Ghi chú:

- Các chứng chỉ phải còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp cho đến thời điểm xét miễn giảm môn học.
- Các chứng chỉ trên nộp tại Phòng Quản lý Đào tạo (P.006A) vào thời điểm trước khi đăng ký môn học của từng học kỳ.

5. Phạm vi áp dụng: từ khóa tuyển sinh 2012.

Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ khóa tuyển sinh 2012. Các quy định trước đây trái với thông báo này không có hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thuận
Nguyễn Thuận

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGỮ ÁP DỤNG TỪ KHÓA 2012
 Khung đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR – Common European Framework Reference) và
 Khung phân bố sử dụng giáo trình American Headway của Nhà xuất bản Oxford cung cấp
 (Đính kèm theo công văn 971/ĐHM ngày 17/09/2012)

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số TC	Trình độ đạt sau môn học		Ghi chú
1	Tiếng Anh căn bản 1	GENG1401	4	TOEIC: 200	CEFR A1 Có khả năng hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản và cơ bản nhằm đáp ứng những yêu cầu cụ thể. Có khả năng giới thiệu bản thân và những người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu. Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng và sẵn lòng nhận trợ giúp.	Môn học tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 1
2	Tiếng Anh căn bản 2	GENG1402	4	TOEIC: 300		
3	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1403	4	TOEIC: 350	CEFR A2 Có thể hiểu câu và các cụm từ thông thường trong những hầu hết các chủ đề quen thuộc (ví dụ: thông tin cơ bản về bản thân và gia đình, mua sắm, địa lý địa phương, vấn đề việc làm). Có thể giao tiếp đơn giản, thực hiện các yêu cầu cơ bản và nắm bắt được thông tin khi giao tiếp trong các bối cảnh quen thuộc. Có thể dùng từ vựng đơn giản để miêu tả lý lịch cá nhân, bối cảnh trực tiếp hay những chủ đề về các nhu cầu cấp bách.	Môn học tiên quyết: Tiếng Anh căn bản 2 Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 1
4	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1404	4	TOEIC: 400		
5	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG2317	3	TOEIC: 450	CEFR B1 Có khả năng hiểu những ý chính trong ngôn ngữ thông qua các chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, ở trường học hay khu vui chơi...Có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra trong giao tiếp. Có khả năng sử dụng các câu liên kết đơn giản trong các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc liên quan đến sở thích cá nhân. Có thể miêu tả các sự kiện, các trải nghiệm, giấc mơ, ước ao hay tham vọng của mình và đưa ra những nguyên nhân, giải thích cho các ý kiến và dự định đó.	Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 2 Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 3
6	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG2318	3	TOEIC: 500		